|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bảng kiểm thử giao diện đăng nhập (Login) | | | | |
| Sự kiện | Các bước thực thi | Kỳ vọng đầu ra | Dữ liệu kiểm thử | Kết quả |
| Kiểm tra đăng nhập có thành công hay không. | * Nhập đúng mã sinh viên/ mã quản trị viên * Nhập đúng mật khẩu * Nhấn đăng nhập | Hiển thị giao diện sinh viên/ quản trị viên. | * Mã sinh viên “ST0001” * Mật khẩu “123456” | V |
| Kiểm tra đăng nhập với tài khoản sai. | * Nhập sai mã sinh viên/ mã quản trị viên, hoặc nhập sai mật khẩu * Nhấn đăng nhập | Hiển thị thông báo nhập sai tài khoản. | * Mã sinh viên “ST0001” * Mật khẩu “12345hh” | V |
| Kiểm tra cấp lại mật khẩu nếu quên mật khẩu của sinh. viên nếu sinh viên nhập đúng. | * Nhập đúng tên sinh viên * Nhập đúng mã sinh viên | Hiện thông báo đã đổi mật khẩu. thành “123456”. | * Tên sinh viên “Đồng” * Mã sinh viên “ST0002” | V |
| Kiểm tra cấp lại mật khẩu nếu quên mật khẩu của sinh viên nếu sinh viên nhập sai. | * Nhập sai tên sinh viên hoặc sai mã sinh viên | Hiện thông báo nhập sai thông tin. | * Tên sinh viên “Hoàng” * Mã sinh viên “ST0002” | V |
| Kiểm tra cấp lại mật khẩu nếu quên mật khẩu của quản trị viên | * Nhập mã quản trị viên bắt đầu bằng “AD” | Hiện thông báo không thể cấp mật khẩu cho tài khoản quản trị viên. | * Mã quản trị viên “AD0000” hoặc bất kỳ mã gì bắt đầu bằng “AD” | V |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bảng kiểm thử giao diện sinh viên (DashBoard) | | | | |
| Sự kiện | Các bước thực thi | Kỳ vọng đầu ra | Dữ liệu kiểm thử | Kết quả |
| Thông tin sinh viên có hiển thị hay không. | Bấm vào “Thông tin sinh viên” trên thanh công cụ. | Hiện thông tin sinh viên. |  | V |
| Thông tin thống kê học tập có hiển thị hay không. | Bấm vào “Thống kê học tập” trên thanh công cụ. | Hiện thống kê học tập của sinh viên. |  | V |
| Kiểm tra xem thông tin điểm trong từng học kỳ có đúng hay không, số học kỳ có đúng hay không. | * Bấm vào “Quá trình học tập” trên thanh công cụ. * Bấm vào các học kỳ để xem điểm. | Số học kỳ cũng như điểm đúng như trong cơ sở dữ liệu. |  | V |
| Kiểm tra xem thông báo có hoạt động không. | * Bấm vào “Thông báo” trên thanh công cụ. * Bấm vào các thông báo để xem. | Hiện thông báo là ảnh scan hoặc ảnh unknown trong trường hợp không có ảnh được gửi kèm. |  | V |
| Kiểm tra xem sau khi gửi thư thì cơ sở dữ liệu có nhận hay không. | * Bấm vào “Gửi thư/ đóng góp” trên thanh công cụ. * Nhập tiêu đề và nội dung thư. | Dữ liệu được lưu trong cơ sở dữ liệu. | * Tiêu đề “hello”. * Nội dung “HelloWorld”. | V |
| Kiểm tra thông báo nếu thư gửi bị thiếu. | * Bấm vào “Gửi thư/ đóng góp” trên thanh công cụ. * Lần 1, nhập thiếu tiêu đề. * Lần 2, nhập thiếu nội dung. * Lần 3, nhập thiếu tiêu đề và nội dung. | Hiện 3 thông báo yêu cầu nhập đầy đủ. |  | V |
| Gửi thư thành công tác động đến giao diện quản trị viên. | * Gửi thành công một thư. * Đăng xuất. * Đăng nhập vào một tài khoản quản trị viên. | Quản trị viên xem được thư vừa được gửi. |  | V |
| Kiểm tra đổi mật khẩu nếu như nhập sai mật khẩu cũ. | * Bấm vào phần đổi mật khẩu. * Nhập sai mật khẩu hiện tại. | Hiện thông báo sai mật khẩu. | Đăng nhập tài khoản ST0002 có mật khẩu là “123456” và điền mật khẩu cũ là “12”. | V |
| Kiểm tra đổi mật khẩu nếu như phần nhập lại sai so với mật khẩu mới. | * Bấm vào phần đổi mật khẩu. * Nhập đúng mật khẩu hiện tại. Nhập mật khẩu mới và xác nhận lại bằng một mật khẩu khác. | Hiện thông báo sai mật khẩu. | Đăng nhập tài khoản ST0002 có mật khẩu là “123456” và điền mật khẩu mới là “12”, điềm vào phần nhập lại mật khẩu “123”. | V |
| Kiểm tra chức năng đăng xuất | Bấm vào phần đăng xuất. | Trở về giao diện đăng nhập. |  | V |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bảng kiểm thử giao diện quản trị viên (DashBoardAdmin) | | | | |
| Quản lý tài khoản sinh viên | | | | |
| Sự kiện | Các bước thực thi | Kỳ vọng đầu ra | Dữ liệu kiểm thử | Kết quả |
| Nhập phần tìm kiếm rồi tìm khi giao diện được làm mới. | * Nhập một mã bất kỳ. * Bấm tìm. | * Nếu dữ liệu nhấp vào bị sai thì làm mới giao diện, các nút sửa xóa bị ẩn đi. * Nếu dữ liệu đúng thì thông tin được đẩy vào phần hiển thị, các nút sửa, xóa, vô hiệu hóa hiện lên, nút thêm biến mất, mục hiển thị mã sẽ bị vô hiệu hóa. | * Nhập vào “ST9999” cho trường hợp nhập sai * Nhập “ST0002” cho trường hợp nhập đúng. | V |
| Nhập phần tìm kiếm rồi tìm khi một tài khoản khác đang được xem. | * Nhập một mã bất kỳ. * Bấm tìm. | * Nếu dữ liệu nhấp vào bị sai thì làm mới giao diện, các nút sửa xóa bị ẩn đi. * Nếu dữ liệu đúng thì thông tin mới được đẩy vào phần hiển thị, các nút sửa, xóa, vô hiệu hóa hiện lên, nút thêm biến mất, mục hiển thị mã sẽ bị vô hiệu hóa. | * Nhập vào “ST9999” cho trường hợp nhập sai * Nhập “ST0002” cho trường hợp nhập đúng. | V |
| Thêm tài khoản khi thiếu thông tin. | * Nhập thiếu thông tin mã hoặc thiếu mật khẩu tài khoản. * Bấm thêm. | Xuất ra thông báo không đủ thông tin. |  | V |
| Thêm tài khoản với mã thuộc dạng mã quản trị viên. | * Nhập thông tin với mã tài khoản bắt đầu bằng “AD”. * Bấm thêm | Xuất ra thông báo không thực hiện được. |  | V |
| Tạo tài khoản từ tài khoản vừa bị xóa. | * Xóa (động) một tài khoản. * Thêm một tài khoản có mã tương tự tài khoản vừa bị xóa. | Tạo được thành công. | * Xóa tài khoản “ST0002”. * Thêm tài khoản “ST0002” | X/ Vì xóa động nên dữ liệu vẫn còn trong csdl. |
| Kiểm tra đăng nhập tài khoản sinh viên bị vô hiệu hóa. | * Chọn một tài khoản. * Chọn chế độ vô hiệu hóa tài khoản đó. * Đăng xuất * Đăng nhập vào tài khoản vừa bị vô hiệu hóa. | Thông báo tài khoản bị vô hiệu hóa. | * Chọn tài khoản “ST0002” | V |
| Sửa thông tin mật khẩu dù không có thay đổi. | * Chọn một tài khoản. * Bấm sửa | Hiện thông báo chưa có thay đổi. |  | X/ vẫn hiện thông báo sửa thành công . |
| Kích hoạt chế độ bảo trì rồi vào lại giao diện. | * Chọn chế độ bảo trì. * Đăng xuất. * Đăng nhập lại | Nút của chế độ bảo trì vẫn hiển thị trạng thái mà nó đang thực hiệu, không bị reset. |  | V |
| Quản lý học kỳ | | | | |
| Sự kiện | Các bước thực thi | Kỳ vọng đầu ra | Dữ liệu kiểm thử | Kết quả |
| Nhập phần tìm kiếm rồi tìm khi giao diện được làm mới. | * Nhập một mã bất kỳ. * Bấm tìm. | * Nếu dữ liệu nhập vào bị sai thì làm mới giao diện, các nút sửa xóa bị ẩn đi. * Nếu dữ liệu đúng thì thông tin được đẩy vào phần hiển thị, các nút sửa, xóa hiện lên, nút thêm biến mất, mục hiển thị mã sẽ bị vô hiệu hóa. | * Nhập vào “008” cho trường hợp nhập sai * Nhập “001” cho trường hợp nhập đúng. | V |
| Nhập phần tìm kiếm rồi tìm khi một học kỳ khác đang được xem. | * Nhập một mã bất kỳ. * Bấm tìm. | * Nếu dữ liệu nhấp vào bị sai thì làm mới giao diện, các nút sửa xóa bị ẩn đi. * Nếu dữ liệu đúng thì thông tin mới được đẩy vào phần hiển thị, các nút sửa, xóa hiện lên, nút thêm biến mất, mục hiển thị mã sẽ bị vô hiệu hóa. | * Nhập vào “008” cho trường hợp nhập sai * Nhập “001” cho trường hợp nhập đúng. | V |
| Thêm học kỳ khi thiếu thông tin. | * Nhập thiếu thông tin mã học kỳ, năm học kỳ,…. * Bấm thêm. | Xuất ra thông báo không đủ thông tin. |  | V |
| Tạo học kỳ từ học kỳ vừa bị xóa. | * Xóa (động) một học kỳ * Thêm một học kỳ có mã tương tự học kỳ vừa bị xóa. | Tạo được thành công. | * Xóa học kỳ “001”. * Thêm học kỳ “001”. | X/ Vì xóa động nên dữ liệu vẫn còn trong csdl. |
| Sửa thông tin dù không có thay đổi. | * Chọn một học kỳ. * Bấm sửa | Hiện thông báo chưa có thay đổi. |  | X/ vẫn hiện thông báo sửa thành công . |
| Quản lý môn học | | | | |
| Sự kiện | Các bước thực thi | Kỳ vọng đầu ra | Dữ liệu kiểm thử | Kết quả |
| Nhập phần tìm kiếm rồi tìm khi giao diện được làm mới. | * Nhập một mã bất kỳ. * Bấm tìm. | * Nếu dữ liệu nhập vào bị sai thì làm mới giao diện, các nút sửa xóa bị ẩn đi. * Nếu dữ liệu đúng thì thông tin được đẩy vào phần hiển thị, các nút sửa, xóa hiện lên, nút thêm biến mất, mục hiển thị mã sẽ bị vô hiệu hóa. | * Nhập vào “999” cho trường hợp nhập sai * Nhập “101” cho trường hợp nhập đúng. | V |
| Nhập phần tìm kiếm rồi tìm khi một học kỳ khác đang được xem. | * Nhập một mã bất kỳ. * Bấm tìm. | * Nếu dữ liệu nhấp vào bị sai thì làm mới giao diện, các nút sửa xóa bị ẩn đi. * Nếu dữ liệu đúng thì thông tin mới được đẩy vào phần hiển thị, các nút sửa, xóa hiện lên, nút thêm biến mất, mục hiển thị mã sẽ bị vô hiệu hóa. | * Nhập vào “999” cho trường hợp nhập sai * Nhập “101” cho trường hợp nhập đúng. | V |
| Thêm môn khi thiếu thông tin. | * Nhập thiếu thông tin mã môn, tên môn, tín chỉ… * Bấm thêm. | Xuất ra thông báo không đủ thông tin. |  | V |
| Thêm đầy đủ thông tin nhưng mã học phần tiên quyết hoặc song hành không tồn tại. | * Nhập đầy đủ thông tin chính xác. * Nhập mã học phần tiên quyết hoặc học phần song song không tồn tại trong csdl. | Hiện thông báo không thêm thành công. | * Nhập mã tiên quyết là “999” hoặc mã song hành là “999”. | X/ Vẫn hiển thị thêm thành công |
| Tạo môn từ môn vừa bị xóa. | * Xóa (động) một môn. * Thêm một môn có mã tương tự môn vừa bị xóa. | Tạo được thành công. | * Xóa môn “101”. * Thêm môn “101”. | X/ Vì xóa động nên dữ liệu vẫn còn trong csdl. |
| Sửa thông tin dù không có thay đổi. | * Chọn một môn. * Bấm sửa | Hiện thông báo chưa có thay đổi. |  | X/ vẫn hiện thông báo sửa thành công . |
| Xóa môn học ảnh hưởng đến giao diện sinh viên. | * Xóa một môn học. * Đăng xuất. * Đăng nhập vào một tài khoản sinh viên thuộc ngành học mà từng có môn học đó trong chương trình khung. | * Thông tin môn học trong danh sách chương trình khung không còn tồn tại. * Danh sách chương trình khung trong phần quản lý ngành cũng không còn môn đó. | * Xóa môn mã “001”(môn học đại cương trong hầu hết các ngành trong csdl). | V |
| Quản lý khoa | | | | |
| Sự kiện | Các bước thực thi | Kỳ vọng đầu ra | Dữ liệu kiểm thử | Kết quả |
| Nhập phần tìm kiếm rồi tìm khi giao diện được làm mới. | * Nhập một mã bất kỳ. * Bấm tìm. | * Nếu dữ liệu nhập vào bị sai thì làm mới giao diện, các nút sửa, xóa, danh sách ngành khoa đó bị ẩn đi. * Nếu dữ liệu đúng thì thông tin được đẩy vào phần hiển thị, các nút sửa, xóa, danh sách ngành hiện lên, nút thêm biến mất, mục hiển thị mã sẽ bị vô hiệu hóa. | * Nhập vào “999” cho trường hợp nhập sai * Nhập “001” cho trường hợp nhập đúng. | V |
| Nhập phần tìm kiếm rồi tìm khi một khoa khác đang được xem. | * Nhập một mã khoa. * Bấm tìm. | * Nếu dữ liệu nhấp vào bị sai thì làm mới giao diện, các nút sửa,xóa và danh sách ngành khoa đó bị ẩn đi. * Nếu dữ liệu đúng thì thông tin mới được đẩy vào phần hiển thị, các nút sửa, xóa, danh sách ngành hiện lên, nút thêm biến mất, mục hiển thị mã sẽ bị vô hiệu hóa. | * Nhập vào “999” cho trường hợp nhập sai * Nhập “001” cho trường hợp nhập đúng. | V |
| Thêm khoa khi thiếu thông tin. | * Nhập thiếu thông tin mã khoa, tên khoa,… * Bấm thêm. | Xuất ra thông báo không đủ thông tin. |  | V |
| Thêm mã ngành vào danh sách ngành của khoa. | * Chọn khoa. * Thêm mã ngành. * Bấm “thêm ngành”. | * Nếu ngành có tồn tại thì hiện thông báo thêm thành công và làm mới lại giao diện. * Nếu ngành không tồn tại, hoặc đã thuộc khoa đó hoặc thuộc khoa khác thì sẽ hiện thông báo. | * Trường hợp 1, chọn khoa “001” và thêm vào ngành “111” (đã được thêm mới). * Trường hợp 2, chọn khoa “001” và thêm vào ngành “001”(đã thuộc khoa). * Trường hợp 3, chọn khoa “001” và thêm vào ngành “999”(không tồn tạiV). | V |
| Xóa ngành thuộc khoa nhưng không chọn ngành nào. | * Chọn khoa. * Bấm vào “xóa ngành” | Hiện thông báo chưa chọn ngành. |  | V |
| Tạo khoa từ khoa vừa bị xóa. | * Xóa (động) một khoa. * Thêm một khoa có mã tương tự khoa vừa bị xóa. | Tạo được thành công. | * Xóa khoa “001”. * Thêm khoa “001”. | X/ Vì xóa động nên dữ liệu vẫn còn trong csdl. |
| Sửa thông tin dù không có thay đổi. | * Chọn một khoa. * Bấm sửa | Hiện thông báo chưa có thay đổi. |  | X/ vẫn hiện thông báo sửa thành công . |
| Xóa khoa ảnh hưởng đến giao diện sinh viên và giao diện quản trị viên. | * Xóa một khoa. * Đăng xuất. * Đăng nhập vào một tài khoản sinh viên thuộc ngành thuộc khoa đó. | * Thông tin khoa trong phần thông tin sinh viên không còn. * Các ngành thuộc khoa đó không còn thuộc khoa nữa. | * Xóa khoa mã “001”. * Thêm ngành mã “001” vào khoa mã “002”(để kiểm tra xem ngành đó còn thuộc khoa mã “001” hay không). * Đăng nhập vào tài khoản “ST0001”(thuôc khoa “001”). | V |
| Quản lý ngành | | | | |
| Sự kiện | Các bước thực thi | Kỳ vọng đầu ra | Dữ liệu kiểm thử | Kết quả |
| Nhập phần tìm kiếm rồi tìm khi giao diện được làm mới. | * Nhập một mã bất kỳ. * Bấm tìm. | * Nếu dữ liệu nhập vào bị sai thì làm mới giao diện, các nút sửa, xóa, danh sách chương trình khung ngành đó bị ẩn đi. * Nếu dữ liệu đúng thì thông tin được đẩy vào phần hiển thị, các nút sửa, xóa, danh sách chương trình khung hiện lên, nút thêm biến mất, mục hiển thị mã sẽ bị vô hiệu hóa. | * Nhập vào “999” cho trường hợp nhập sai * Nhập “001” cho trường hợp nhập đúng. | V |
| Nhập phần tìm kiếm rồi tìm khi một ngành khác đang được xem. | * Nhập một mã ngành. * Bấm tìm. | * Nếu dữ liệu nhấp vào bị sai thì làm mới giao diện, các nút sửa,xóa và danh sách chương trình khung ngành đó bị ẩn đi. * Nếu dữ liệu đúng thì thông tin mới được đẩy vào phần hiển thị, các nút sửa, xóa, danh sách chương trình khung hiện lên, nút thêm biến mất, mục hiển thị mã sẽ bị vô hiệu hóa. | * Nhập vào “999” cho trường hợp nhập sai * Nhập “001” cho trường hợp nhập đúng. | V |
| Thêm ngành khi thiếu thông tin. | * Nhập thiếu thông tin mã ngành, tên ngành,… * Bấm thêm. | Xuất ra thông báo không đủ thông tin. |  | V |
| Thêm mã môn vào danh sách chương trình khung của ngành. | * Chọn ngành. * Thêm mã môn. * Bấm “thêm học phần”. | * Nếu môn có tồn tại thì hiện thông báo thêm thành công và làm mới lại giao diện. * Nếu môn không tồn tại, hoặc đã thuộc ngành đó hoặc thuộc ngành khác thì sẽ hiện thông báo. | * Trường hợp 1, chọn ngành “001” và thêm vào môn “222” (đã được thêm mới). * Trường hợp 2, chọn ngành “001” và thêm vào môn “001”(đã thuộc ngành). * Trường hợp 3, chọn ngành “001” và thêm vào môn “999”(không tồn tại). | V |
| Xóa môn thuộc ngành nhưng không chọn môn nào. | * Chọn ngành. * Bấm vào “xóa học phần” | Hiện thông báo chưa chọn học phần. |  | V |
| Tạo ngành từ ngành vừa bị xóa. | * Xóa (động) một ngành. * Thêm một ngành có mã tương tự ngành vừa bị xóa. | Tạo được thành công. | * Xóa ngành “001”. * Thêm ngành “001”. | X/ Vì xóa động nên dữ liệu vẫn còn trong csdl. |
| Sửa thông tin dù không có thay đổi. | * Chọn một ngành. * Bấm sửa | Hiện thông báo chưa có thay đổi. |  | X/ vẫn hiện thông báo sửa thành công . |
| Xóa ngành ảnh hưởng đến giao diện sinh viên và giao diện quản trị viên. | * Xóa một ngành. * Đăng xuất. * Đăng nhập vào một tài khoản sinh viên thuộc ngành đó. | * Thông tin khoa và ngành trong phần thông tin sinh viên không còn. * Chương trình khung của ngành đó đã bị xóa (cứng) và không còn trong giao diện sinh viên ngành đó nữa. * Khoa chứa ngành đó không còn chứa ngành nữa. | * Xóa ngành mã “001”. * Đăng nhập vào tài khoản “ST0001”(thuôc ngành “001”). | V |
| Quản lý khóa | | | | |
| Sự kiện | Các bước thực thi | Kỳ vọng đầu ra | Dữ liệu kiểm thử | Kết quả |
| Nhập phần tìm kiếm rồi tìm khi giao diện được làm mới. | * Nhập một mã bất kỳ. * Bấm tìm. | * Nếu dữ liệu nhập vào bị sai thì làm mới giao diện, các nút sửa xóa bị ẩn đi. * Nếu dữ liệu đúng thì thông tin được đẩy vào phần hiển thị, các nút sửa, xóa hiện lên, nút thêm biến mất, mục hiển thị mã sẽ bị vô hiệu hóa. | * Nhập vào “K99” cho trường hợp nhập sai * Nhập “K01” cho trường hợp nhập đúng. | V |
| Nhập phần tìm kiếm rồi tìm khi một khóa khác đang được xem. | * Nhập một mã khóa. * Bấm tìm. | * Nếu dữ liệu nhấp vào bị sai thì làm mới giao diện, các nút sửa xóa bị ẩn đi. * Nếu dữ liệu đúng thì thông tin mới được đẩy vào phần hiển thị, các nút sửa, xóa hiện lên, nút thêm biến mất, mục hiển thị mã sẽ bị vô hiệu hóa. | * Nhập vào “K99” cho trường hợp nhập sai * Nhập “K01” cho trường hợp nhập đúng. | V |
| Thêm khóa khi thiếu thông tin. | * Nhập thiếu thông tin mã khóa, tên khóa, hệ số điểm,… * Bấm thêm. | Xuất ra thông báo không đủ thông tin. |  | V |
| Tạo khóa từ khóa vừa bị xóa. | * Xóa (động) một khóa. * Thêm một khóa có mã tương tự khóa vừa bị xóa. | Tạo được thành công. | * Xóa môn “K01”. * Thêm môn “K01”. | X/ Vì xóa động nên dữ liệu vẫn còn trong csdl. |
| Sửa thông tin dù không có thay đổi. | * Chọn một khóa. * Bấm sửa | Hiện thông báo chưa có thay đổi. |  | X/ vẫn hiện thông báo sửa thành công . |
| Xóa khóa ảnh hưởng đến giao diện sinh viên và giao diện quản trị viên. | * Xóa một khóa. * Đăng xuất. * Đăng nhập vào một tài khoản sinh viên thuộc khóa đó. | * Thông tin khóa trong phần thông tin sinh viên không còn. * Thông tin phần quá trình học tập và phần thống kê học tập cũng không còn. | * Xóa khóa mã “K01”.   Đăng nhập vào tài khoản “ST0001”(thuộc khóa “K01”). | V |
| Quản lý lớp | | | | |
| Sự kiện | Các bước thực thi | Kỳ vọng đầu ra | Dữ liệu kiểm thử | Kết quả |
| Nhập phần tìm kiếm rồi tìm khi giao diện được làm mới. | * Nhập một mã bất kỳ. * Bấm tìm. | * Nếu dữ liệu nhập vào bị sai thì làm mới giao diện, các nút sửa, xóa, danh sách chương trình khung ngành đó bị ẩn đi. * Nếu dữ liệu đúng thì thông tin được đẩy vào phần hiển thị, các nút sửa, xóa, danh sách chương trình khung hiện lên, nút thêm biến mất, mục hiển thị mã sẽ bị vô hiệu hóa. | * Nhập vào “999” cho trường hợp nhập sai * Nhập “001” cho trường hợp nhập đúng. | V |
| Nhập phần tìm kiếm rồi tìm khi một ngành khác đang được xem. | * Nhập một mã ngành. * Bấm tìm. | * Nếu dữ liệu nhấp vào bị sai thì làm mới giao diện, các nút sửa,xóa và danh sách chương trình khung ngành đó bị ẩn đi. * Nếu dữ liệu đúng thì thông tin mới được đẩy vào phần hiển thị, các nút sửa, xóa, danh sách chương trình khung hiện lên, nút thêm biến mất, mục hiển thị mã sẽ bị vô hiệu hóa. | * Nhập vào “999” cho trường hợp nhập sai * Nhập “001” cho trường hợp nhập đúng. | V |
| Thêm ngành khi thiếu thông tin. | * Nhập thiếu thông tin mã ngành, tên ngành,… * Bấm thêm. | Xuất ra thông báo không đủ thông tin. |  | V |
| Thêm mã môn vào danh sách chương trình khung của ngành. | * Chọn ngành. * Thêm mã môn. * Bấm “thêm học phần”. | * Nếu môn có tồn tại thì hiện thông báo thêm thành công và làm mới lại giao diện. * Nếu môn không tồn tại, hoặc đã thuộc ngành đó hoặc thuộc ngành khác thì sẽ hiện thông báo. | * Trường hợp 1, chọn ngành “001” và thêm vào môn “222” (đã được thêm mới). * Trường hợp 2, chọn ngành “001” và thêm vào môn “001”(đã thuộc ngành). * Trường hợp 3, chọn ngành “001” và thêm vào môn “999”(không tồn tại). | V |
| Xóa môn thuộc ngành nhưng không chọn môn nào. | * Chọn ngành. * Bấm vào “xóa học phần” | Hiện thông báo chưa chọn học phần. |  | V |
| Tạo ngành từ ngành vừa bị xóa. | * Xóa (động) một ngành. * Thêm một ngành có mã tương tự ngành vừa bị xóa. | Tạo được thành công. | * Xóa ngành “001”. * Thêm ngành “001”. | X/ Vì xóa động nên dữ liệu vẫn còn trong csdl. |
| Sửa thông tin dù không có thay đổi. | * Chọn một ngành. * Bấm sửa | Hiện thông báo chưa có thay đổi. |  | X/ vẫn hiện thông báo sửa thành công . |
| Xóa lớp ảnh hưởng đến giao diện sinh viên và giao diện quản trị viên. | * Xóa một lớp. * Đăng xuất. * Đăng nhập vào một tài khoản sinh viên thuộc lớp đó. | * Thông tin lớp trong phần thông tin sinh viên không còn. * Các lớp khác có thể thêm sinh viên từ lớp đã bị xóa vào. | * Xóa lớp mã “K1IT1”. * Đăng nhập vào tài khoản “ST0001”(thuôc ngành “001”). * Thêm “ST0001’ vào lớp mã “K1IT2” (Để xem sinh viên còn thuộc lớp IT1 nữa hay không). | V |
| Đăng thông báo | | | | |
| Sự kiện | Các bước thực thi | Kỳ vọng đầu ra | Dữ liệu kiểm thử | Kết quả |
| Đăng thông báo với file không phải là file jpg. | * Bấm vào nút mở hộp thoại. * Chọn một file không phải là file jpg. | Kỳ vọng hiện ra thông báo. |  | X/ không hiện thông báo, những cũng không nhận dữ liệu. |
| Đọc thư | | | | |
| Sự kiện | Các bước thực thi | Kỳ vọng đầu ra | Dữ liệu kiểm thử | Kết quả |
| Xóa thư lưu trữ khi trong cơ sở dữ liệu không có. | * Bấm vào nút “Xóa thư lưu trữ”. | Hiện ra thông báo không có thư lưu trữ. |  | X/ vẫn hiện đã xóa thành công. |
| Gửi thông báo thành công tác động đến giao diện sinh viên. | * Gửi thành công một thông báo. * Đăng xuất. * Đăng nhập vào một tài khoản sinh viên bất kỳ. | Sinh viên xem được thông báo vừa gửi. |  | V |
| Cài đặt | | | | |
| Sự kiện | Các bước thực thi | Kỳ vọng đầu ra | Dữ liệu kiểm thử | Kết quả |
| Kiểm tra cấp lại mật khẩu nếu quên mật khẩu của sinh viên nếu sinh viên nhập sai. | * Nhập sai tên sinh viên hoặc sai mã sinh viên. | Hiện thông báo nhập sai thông tin. | * Tên sinh viên “Hoàng” * Mã sinh viên “ST0002” | V |
| Kiểm tra cấp lại mật khẩu nếu quên mật khẩu của quản trị viên | * Nhập mã quản trị viên bắt đầu bằng “AD”. | Hiện thông báo không thể cấp mật khẩu cho tài khoản quản trị viên. | * Mã quản trị viên “AD0000” hoặc bất kỳ mã gì bắt đầu bằng “AD”. | V |